

Bản án số: 381/2022/HS-PT
Ngày: 09-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Thẩm phán: 1/ Ông Vũ Văn Lệ
2/ Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2022, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 239/2022/TLPT-HS, ngày 09/6/2022 đối với bị cáo Trần Quốc H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HSST, ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Quốc H, sinh năm 1981 tại Hải Dương; Thường trú: chung cư A, Phường B, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kỹ sư; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông TQQ và bà CNL; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là TTĐ và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc H và Nguyễn Văn L quen biết nhau từ năm 2016 qua mạng xã hội, và H biết L có nhận làm giả các loại giấy tờ. Vào khoảng đầu năm 2016, qua bạn bè giới thiệu, bà Trương Thị Thu H nhờ Trần Quốc H nộp hồ sơ làm dịch vụ cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng tại Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh với giá dịch vụ 5.000.000 đồng, H đồng ý nên bà H cung cấp các giấy tờ liên quan cho H. Lập xong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư

hoạt động xây dựng của bà H, H tiến hành nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sau đó H nhận được thông báo của Sở xây dựng về việc hồ sơ của bà H không đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề. Do nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền phí làm dịch vụ nên H không thông báo cho bà H biết về tình trạng hồ sơ của bà H mà liên hệ với Nguyễn Văn L, cung cấp tài liệu của bà H để nhờ L làm giả chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng cho bà H với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận làm giả tài liệu của H, L liên hệ với đối tượng tên Công (chưa rõ lai lịch) để cung cấp tài liệu của bà H và nhờ Công làm giả với giá 1.500.000 đồng. Bà H sau khi nhận được chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng số KS-08-13953 cấp ngày 29/02/2016 không biết là tài liệu giả nên mang đến Ủy ban nhân dân phường Đa Kao, Quận 1 tiến hành sao y bản chính vào ngày 06/9/2017 để phục vụ công việc thì bị nghi vấn là tài liệu giả.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đưa Trần Quốc H, Nguyễn Văn L về làm rõ. Tại Cơ quan điều tra Trần Quốc H và Nguyễn Văn L khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập. Ngoài ra, H xác định đã nhờ L làm giả chứng chỉ khoảng 16 lần, hưởng lợi khoảng 5.600.000 đồng. L khai đã nhờ đối tượng tên Công làm và giao được khoảng 20 giấy tờ, hưởng lợi khoảng 11.700.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1380/KLGD-TT ngày 11/10/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – SỞ XÂY DỰNG” và chữ ký mang tên Lê Hòa Bình trên chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng số KS-08-13953 mang tên Trương Thị Thu H là giả.

Tại Kết luận giám định số 1487/KLGD-TT ngày 27/9/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 63 (sáu mươi ba) tài liệu giám định, trong đó 59 (năm mươi chín) được làm giả bằng phương pháp in phun màu; 04 (bốn tài liệu thứ tự 12, 13, 16, 17) do một người ký, cùng một con dấu đóng ra. 02 (hai) con dấu giám định không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 4832/KLGD-TT ngày 15/9/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 86 (tám mươi sáu) tài liệu thu giữ của Nguyễn Văn L được làm giả bằng phương pháp in phun màu, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 5822/KLGD-TT ngày 17/11/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 14 (mười bốn) tài liệu, trong đó có 07 (bảy) tài liệu thu giữ của Nguyễn Văn L, kết quả giám định 05 (năm) tài liệu được làm giả bằng phương pháp in phun màu, không phải do cùng một con dấu đóng ra, 02 (hai) tài liệu không đủ cơ sở để kết luận giám định; 07 (bảy) tài liệu thu giữ của Trần Quốc H được làm giả bằng phương pháp in phun màu và được tô đồ lại, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 5906/KLGD-TT ngày 17/11/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông số hiệu 00570444 đề tên Nguyễn Văn L so với mẫu so sánh do

cùng một con dấu đóng ra, chữ ký mang tên “Trần Văn Quý” là dấu chữ ký nên không tiến hành giám định.

Tại Kết luận giám định số 25/KLGD-TT ngày 19/01/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 09 (chín) tài liệu thu giữ của Nguyễn Văn L, trong đó có 07 (bảy) tài liệu được làm giả bằng phương pháp in phun màu, không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải do cùng một người ký ra, 01 (một) tài liệu có nội dung “U.B.N.D P Thạnh Xuân Quận 12 TP.Hồ Chí Minh” do cùng một con dấu đóng ra, 01 (một) tài liệu có nội dung “C.H.X.H.C.N. VIỆT NAM – CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC”, dấu chữ ký tên “Nguyễn Chí Cường” trên tài liệu giám định là thật, hình ảnh trên tài liệu đã bị thay đổi.

Trách nhiệm dân sự: Bà Trương Thị Thu H đã được bị cáo bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HSST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm tội “” Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức ” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản””.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 267 và khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, h, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt Trần Quốc H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L, phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2022, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá về hành vi của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 267 và khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Về kháng cáo của bị cáo và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nhân thân tốt để áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù là có căn cứ.

Trước phiên tòa bị cáo đã nộp các tài liệu thể hiện bị cáo có cha là bộ đội về hưu thương binh 1/8 vĩnh viễn và có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất; huân chương quân công hạng ba; huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; huy chương cừu chiến binh Việt Nam và bà Trương Thị Thu H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới nên cần được ghi nhận và áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Về các vấn đề khác:

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 267 và khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, h, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt Trần Quốc H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Về các vấn đề khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 1; (1)
- PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA Quận 1; (1)
- Bị cáo; (1)
- Công an Quận 1; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam